

33rd Parents-Love-Chess Rated Series 2025 - Standard

Darrera actualització 02.04.2025 01:56:19

Rànquing inicial

Núm.		Nom	FideID	FED	Elo	Sexe	Tipus	Gr
1		Lê, Phan Hoàng Quân	12432881	VIE	1988		U11	x
2	ACM	Bùi, Quang Huy	12431265	VIE	1888		U11	x
3		Trần, Minh Hiếu	12429155	VIE	1842		U11	x
4		Nguyễn, Lê Nhật Quang	12442925	VIE	1840		U13	x
5	AIM	Phan, Trần Khôi Nguyên	12438103	VIE	1777		U11	x
6		Phạm, Minh Hiếu	12417726	VIE	1765			x
7	AFM	Trần, Phạm Quang Minh	12433810	VIE	1764		U11	x
8		Hồ, Nhật Nam	12433578	VIE	1711		U11	x
9	AFM	Phan, Hoàng Bách	12450626	VIE	1704		U11	x
10		Nguyễn, Phúc Hoàng	12432660	VIE	1702			x
11		Võ, Ngọc Minh Trí	12483230	VIE	1698		U13	x
12		Vương, Tuấn Khoa	12445312	VIE	1686		U09	x
13		Lê, Quốc Huy	12440310	VIE	1671			x
14		Trần, Tuấn Khang	12443174	VIE	1646		U09	x
15		Trần, Thành Vinh	12434124	VIE	1634		U11	x
16		Lê, Phùng Đức Tài	12471437	VIE	1619			x
17		Phạm, Gia Tường	12454060	VIE	1617			x
18	AFM	Trần, Dương Hoàng Ngân	12426997	VIE	1597	w	U13	x
19	AFM	Nguyễn, Lâm Phương Nam	12448613	VIE	1590		U11	x
20		Lê, Huy Bằng	12460044	VIE	1585		U11	x
21		Lê, Huỳnh Duy Anh	12443662	VIE	1585		U09	x
22		Trương, Quốc Việt	12445916	VIE	1574		U09	x
23		Lê, Phạm Tiến Minh	12446262	VIE	1559		U07	x
24	ACM	Nguyễn, Trung Quân	12445479	VIE	1558		U11	x
25		Trần, Thiện Phúc	12432784	VIE	1558			x
26		Lê, Giang Phúc Tiến	12454478	VIE	1555		U09	x
27	ACM	Nguyễn, Đỗ Minh Trí	12455288	VIE	1548		U13	x
28		Dương, Hoàng Nhật Minh	12429473	VIE	1540		U13	x
29		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1533		U11	
30		Nguyễn, Nhật Đăng	12459631	VIE	1518			x
31		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1512	w	U11	
32		Đào, Nguyễn Ngọc Lam	12444308	VIE	1494	w	U11	x
33		Nguyễn, Ngọc Trúc Quỳnh	12423661	VIE	1494	w	U13	x
34		Trần, Kim An	12461423	VIE	1494	w	U11	x
35		Nguyễn, Châu Hạo Thiên	12447269	VIE	1479		U09	
36		Phan, Ngọc Bảo Châu	12429180	VIE	1478	w	U13	x
37		Dương, Hoàng Minh Anh	12430013	VIE	1447	w	U11	x
38	ACM	Nguyễn, Phạm Minh Thư	12420018	VIE	1443	w		x
39		Lê, Duy Cường	12443654	VIE	1426		S40	x
40	AFM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	0		U07	x
41		Đinh, Lê Hải Phong	12445118	VIE	0		U09	x
42		Đỗ, Minh Châu	12478377	VIE	0	w	U07	x
43		Huỳnh, Xuân An	12469661	VIE	0		U11	x
44		Lê, Minh Khôi	12489476	VIE	0		U13	x
45		Nguyễn, Đào Bảo Long	12487686	VIE	0		U13	x
46		Nguyễn, Đức Huyền My	12471704	VIE	0	w	U07	x
47		Nguyễn, Hồ Bích Lam	12470252	VIE	0	w	U09	x
48		Nguyễn, Ngọc Như Ý	12476293	VIE	0	w	U11	x
49		Nguyễn, Nhật Vy	12445851	VIE	0	w	U09	x
50		Nguyễn, Phạm Lam Thư	12442658	VIE	0	w	U07	x
51		Nguyễn, Quang Huy	12478962	VIE	0		U11	x
52		Nguyễn, Trầm Thiện Thắng	12470767	VIE	0		U07	x
53		Nguyễn, Trầm Thiện Thành	12470759	VIE	0		U09	x
54		Nguyễn, Văn Bảo Trí	12469831	VIE	0		U07	x
55		Võ, Trương Gia Hào	12457779	VIE	0		U11	x

Trobareu tots els detalls del torneig a <http://chess-results.com/tnr1135347.aspx?lan=9>
Servidor de resultats de torneigs d'escacs: Chess-Results